TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2026/DS-ST
Ngày 17 - 6 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Ánh Tuyết.**

2. Bà **Hà Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Trúc Phượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1399/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 257/2026/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố H**. (Nay là **Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H**).

Địa chỉ: 5 B, phường B, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1967 – Chức vụ: Giám đốc.

Số CCCD: 056067004808.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn N** – Chức vụ: Trưởng chi nhánh H1 – Quỹ CCM. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Số CCCD: 051079001366.

Địa chỉ: 2 đường D, Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 248/CCM-UQ ngày 20/10/2025).

- Bị đơn:

1. Bà **Cao Thị Quỳnh A**, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

Số CCCD: 079198030048.

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, Ấp B, xã H, huyện C (nay là đường B, Ấp C, xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Số CCCD: 079097002404.

Hộ khẩu thường trú: 3A Bùi Thị Đ, Tổ A, ấp B, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp B, xã H, huyện C (nay là đường B, Ấp C, xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn N trình bày:

Ngày 15/4/2022, Quỹ hỗ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H (Gọi tắt là Quỹ CCM) cùng ký kết Hợp đồng liên kết số 008/22/LK-CC với tổ hợp tác KD, DV, NN số 06 xã T, C để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ CCM – Chi nhánh H1. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân để chăn nuôi, sản xuất – kinh doanh – dịch vụ, mua bán nhỏ…theo sự giới thiệu và đề nghị của C liên nhiệm.

Ngày 14/8/2023, bà Cao Thị Quỳnh A đã làm đơn yêu cầu Quỹ CCM trợ vốn cho như sau:

- Số tiền trợ vốn: 50.000.000 đồng.

- Loại hình trợ vốn: góp tháng.

- Thời hạn: 24 tháng.

- Phí trợ vốn CCM là: 0.65%/tháng (Phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của Quỹ CCM - gọi tắt là phí CCM).

- Phí quản lý cấp liên nhiệm là: 0.15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ CCM - gọi tắt là phí CLN).

- Tiết kiệm là: 1.00%/tháng (khoản tiết kiệm này sẽ được hoàn trả cho thành viên khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ CCM không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

- Phương pháp tính phí: tính theo phương pháp góp.

- Phương thức hoàn trả: vốn, phí, tiết kiệm trả góp hàng tháng.

- Hạn thanh toán đợt vay: 21/08/2025.

Trên đơn đề nghị trợ vốn ông Trần Thanh T, số căn cước 079097002404 là chồng bà Quỳnh A ký tên đồng ý chịu nghĩa vụ trả thay cho bà Quỳnh A khoản vốn, phí đầy đủ và đúng hạn.

Ngày 21/8/2023, Bà Quỳnh A đã ký nhận đầy đủ khoản vay. Tính đến nay, Bà Cao Thị Quỳnh A chưa hoàn trả hết vốn và phí cho Quỹ CCM, số liệu chi tiết như sau:

- Tổng số tiền phải trả của đợt trợ vốn là: 71.600.000 đồng (1);

- Số tiền đã trả: 52.500.000 đồng (2);

- Số tiền tiết kiệm của đợt vay chưa thanh toán là: 5.500.000 đồng (3);

- Số tiền tiết kiệm tích lũy của các đợt trước là: 0 đồng (4);

- Số tiền nợ còn phải trả (1)-(2)-(3)-(4): 13.600.000 đồng.

Quỹ hỗ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H gọi tắt (Quỹ trợ vốn CCM) yêu cầu Tòa án:

Buộc bà Cao Thị Quỳnh A có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ còn lại cho Q trợ vốn CCM, tổng cộng số tiền là 13.600.000 đồng. Bao gồm: nợ vốn: 9.700.000 đồng; nợ phí trợ vốn: 3.075.000 đồng và phí quản lý: 825.000 đồng.

Trong trường hợp bà A không trả nợ đề nghị buộc ông Trần Thanh T, số căn cước 079097002404 chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Quỳnh A tổng số tiền là 13.600.000 đồng. bao gồm: nợ vốn: 9.700.000 đồng; nợ phí trợ vốn: 3.075.000 đồng và phí quản lý: 825.000 đồng.

2. Bị đơn bà Cao Thị Quỳnh A và ông Trần Thanh T:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Cao Thị Quỳnh A và ông Trần Thanh T nhưng bà A và ông T vẫn vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố H nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H và Tổ hợp tác KD, DV, NN số 06 T, C đã ký hợp đồng liên kết số 008/22/LK-CC để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ CCM – Chi nhánh H1

với mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân để chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh – dịch vụ, mua bán nhỏ… Do bà Cao Thị Quỳnh A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 17/6/2026, bà Cao Thị Quỳnh A còn nợ Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố H số tiền nợ còn phải trả là 13.600.000 đồng, trong đó: nợ vốn: 9.700.000 đồng; nợ phí trợ vốn: 3.075.000 đồng và phí quản lý: 825.000 đồng. Việc bị đơn không thanh toán tiền còn nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời trong trường hợp bà A không trả nợ đề nghị buộc ông Trần Thanh T, số căn cước 079097002404 chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Cao Thị Quỳnh A tổng cộng số tiền là 13.600.000 đồng. bao gồm: nợ vốn: 9.700.000 đồng; nợ phí trợ vốn: 3.075.000 đồng và phí quản lý: 825.000 đồng là phù hợp.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn đề ngày 14/8/2023 giữa Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H (nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H) với bà Cao Thị Quỳnh A mục đích để chăn nuôi tại nhà, do đó có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Cao Thị Quỳnh A có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ đường B, ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ kết quả xác minh của Công an xã N, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trần Thanh T có đăng ký thường trú tại địa chỉ số C, đường B, ấp B, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế cư trú tại địa chỉ đường B, ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 1 Luật 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Cao Thị Quỳnh A và ông Trần Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà A, ông T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H.

Bà Cao Thị Quỳnh A có ký đơn đề nghị trợ vốn ngày 14/8/2023 gửi Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H (nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H) để yêu cầu trợ vốn cho vay số tiền 50.000.000 đồng mục đích chăn nuôi tại nhà, ngày 21/8/2023 bà A đã ký nhận số tiền 50.000.000 đồng tại biên bản bàn giao vốn, quá trình sử dụng vốn bà A đã trả số tiền là 52.500.000 đồng sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Q theo như cam kết tại các đơn đề nghị trợ vốn đã ký.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà A và ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, điều này chứng tỏ bà A và ông T không có thiện chí, không tích cực khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của Q, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ lời khai cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tính đến ngày 17/6/2026 bà A còn nợ Q số tiền tạm tính là 13.600.000 đồng, trong đó: nợ vốn: 9.700.000 đồng; nợ phí trợ vốn: 3.075.000 đồng và phí quản lý: 825.000 đồng.

Việc các bên giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe dọa, ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đáp ứng đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bà Cao Thị Quỳnh A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Cao Thị Quỳnh A có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ còn lại là 13.600.000 đồng; Bao gồm: nợ vốn: 9.700.000 đồng, nợ phí trợ vốn: 3.075.000 đồng và phí quản lý: 825.000 đồng.

Đối với ông Trần Thanh T, ông đã tự nguyện ký cam kết bảo lãnh trả thay trong đơn đề nghị trợ vốn ngày 14/8/2023 để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho bà A phù hợp với quy định tại các Điều 339, Điều 342 của Bộ luật dân sự nên trong trường hợp bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì ông T phải chịu trách nhiệm trả cho Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H (nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H) toàn bộ số tiền bà A còn nợ là phù hợp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H (nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H). Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 680.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 340.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 1 Luật 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H (nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H).

Buộc bà Cao Thị Quỳnh A phải trả toàn bộ khoản tiền còn nợ cho Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H (nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H). Trường hợp bà Cao Thị Quỳnh A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh là ông Trần Thanh T phải thực hiện nghĩa vụ đó theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 14/8/2023.

Số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 17/6/2026 là 13.600.000 đồng, trong đó: nợ vốn: 9.700.000 đồng; nợ phí trợ vốn: 3.075.000 đồng và phí quản lý: 825.000 đồng. Việc trả nợ thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Cao Thị Quỳnh A và ông Trần Thanh T phải chịu theo quy định là 680.000 đồng. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H (nay là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Thành phố H) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 340.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0044108, ký hiệu: BLTU/25E ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP. HCM;
- Phòng THADS khu vực 8 - TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 8

2UZ170626.TL.QDBA
6288

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Hồng Hải